TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/2019/QĐST-HNGĐ	*Trảng Bom, ngày 15 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Văn bản số 310/TANDTC-PC ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 181/2019/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1989

Địa chỉ: 1927/2/71, ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Trần Công H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp 7, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 07/3/2019 Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành, các bên thuận tình ly hôn, thỏa thuận được về việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể

như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết S và ông Trần Công H

- Về con chung: Công nhận thỏa thuận giao con chung là Trần Công Tuấn D, sinh ngày 04/10/2009, Trần Thị Thùy A, sinh ngày 01/3/2016 cho bà Nguyễn Thị Tuyết S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông H.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà S, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà S, ông H cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Tuyết S tự nguyện chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 001423 ngày 07/3/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bà S đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 38, quyển ngày 17/3/2009).
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Như Quỳnh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).